

Số: /KH-UBND

Tân Hồng, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định hợp nhất số 03/NĐHN-BNV ngày 21/5/2019 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BNV ngày 03/7/2019 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Công văn số 3125/BGDĐT-NGCBQLGD, ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Công văn số 384/BGDĐT-NGCBQLGD, ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định phân cấp, phân công về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 314/VPUBND-THVX ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông năm 2020;

Căn cứ Công văn số 264/SGDĐT-TCCB, ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020;

Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng xây dựng Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Thực hiện bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của viên chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Đảm bảo kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên;

- Động viên, khuyến khích giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Yêu cầu:

Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên huyện Tân Hồng năm 2020 cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đảm bảo được các yêu cầu về quản lý viên chức chuyên ngành quy định tiêu chuẩn, nghiệp vụ các chức danh nghề nghiệp của giáo viên;

- Đảm bảo đúng quy chế, quy định xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên; đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, khách quan, công khai dân chủ, minh bạch và đúng đối tượng theo quy định;

- Đơn vị có nhu cầu, có vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN TIÊU CHUẨN

1. Đối tượng:

- Đối tượng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III là giáo viên hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09 và giáo viên MN hạng IV, mã số V.07.02.06.

- Đối tượng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II là giáo viên hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng III, mã số V.07.04.12, giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08 và giáo viên MN hạng III, mã số V.07.02.05.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn:

Giáo viên được đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đảm bảo có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

2.1. Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét và được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

2.2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

2.3. Về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non hạng IV (V.07.02.06) lên hạng III (V.07.02.05):

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương. Việc xác định chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT (*gọi tắt là trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc tương đương*);

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương. Việc xác định chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương đạt trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và hướng dẫn của Bộ Thông tin Truyền thông tại Công văn số 3562/BTTTT-CNTT và Công văn số 3656/BTTTT-CNTT (*gọi tắt là trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương*);

- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng III.

b) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên tiểu học hạng IV (V.07.03.09) lên hạng III (V.07.03.08):

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc tương đương trở lên.
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng III.

c) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non hạng III (V.07.02.05) lên hạng II (V.07.02.04):

- Có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc tương đương trở lên.
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên Mầm non hạng II.

d) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên tiểu học hạng III (V.07.03.08) lên hạng II (V.07.03.07):

- Có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm tiểu học hoặc Đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc tương đương trở lên. Đối với giáo viên giảng dạy môn Ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ 2 phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên Tiểu học hạng II.

e) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên THCS hạng III (V.07.04.12) lên hạng II (V.07.04.11):

- Có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm hoặc có bằng Đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc tương đương trở lên. Đối với giáo viên giảng dạy môn Ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ 2 phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng II.

2.4. Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non hạng IV (V.07.02.06) lên hạng III (V.07.02.05):

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;
- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;
- Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;
- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;
- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên mầm non hạng IV lên chức danh giáo viên mầm non hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

b) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên tiểu học

hạng IV (V.07.02.09) lên hạng III (V.07.02.08):

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;
- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;
- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;
- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;
- Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;
- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;
- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV lên chức danh giáo viên tiểu học hạng III phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

c) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non hạng III (V.07.02.05) lên hạng II (V.07.02.04):

- Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;
- Thực hiện sáng tạo, linh hoạt chương trình giáo dục mầm non; hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non;
- Tích cực chủ động phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;
- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên;
- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên mầm non hạng III lên chức danh giáo viên mầm non hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

d) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên tiểu học hạng III (V.07.03.08) lên hạng II (V.07.03.07):

- Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;
- Hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

tiểu học;

- Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học của đồng nghiệp;

- Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

- Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên;

- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên tiểu học hạng III lên chức danh giáo viên tiểu học hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

e) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên THCS hạng III (V.07.04.12) lên hạng II (V.07.04.11):

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình, giáo dục trung học cơ sở;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở;

- Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp học sinh trung học cơ sở;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học cơ sở;

- Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

- Có khả năng đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học cơ sở;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III lên chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc đại học các chuyên ngành khác phù hợp với bộ môn giảng dạy từ đủ 01 (một) năm trở lên.

III. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng IV lên giáo viên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III của mỗi cấp học;

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II: Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học.

2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học;

3. Giáo viên mầm non, tiểu học hạng III dự xét thăng hạng lên hạng II khi điểm hồ sơ đạt 100 điểm thì được tham gia sát hạch. Những giáo viên không được tham gia sát hạch được thông báo không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

4. Việc sát hạch được thực hiện thông qua hình thức làm bài khảo sát

- Bài khảo sát được thực hiện thông qua làm bài trắc nghiệm; thời lượng làm bài khảo sát không quá 45 phút; nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp (theo từng hạng chức danh của mỗi cấp học),

- Sát hạch chỉ áp dụng cho việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non, tiểu học hạng III lên giáo viên mầm non, tiểu học hạng II.

IV. HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Sơ yếu lý của viên chức (Mẫu số 2 kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV) có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý. Trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại của 3 năm gần nhất;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Các yêu cầu khác theo yêu cầu quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng;

Hồ sơ của mỗi giáo viên đựng trong phong bì riêng có kích thước 250x340x5 mm (theo quy định tại Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV)

V. CÁCH TÍNH ĐIỂM XÉT THĂNG HẠNG

1. Điểm hồ sơ

1.1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

1.2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

- a) Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;
- b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;
- c) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;
- d) Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại phụ lục kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3. Điểm tăng thêm:

a) Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm b); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm c);

b) Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

1.4. Đối với những trường hợp quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

2. Điểm sát hạch

- Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.
- Hội đồng xét quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi ở nội dung khảo sát.

VI. XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG

1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;
- b) Đối với trường hợp xét hồ sơ: Kết quả điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại mỗi nhóm nêu tại điểm 1.2, khoản 1 phân V.

Đối với trường hợp xét hồ sơ và sát hạch: Kết quả điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại mỗi nhóm nêu tại điểm 1.2, khoản 1 phân V và điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

- 2.** Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ

thông, được thông báo tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét thăng hạng nhất sau 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm hoàn thành kỳ xét thăng hạng.

3. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định lần này không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ tổ chức triển khai, theo dõi thực hiện kế hoạch này; trình Ủy ban nhân dân Huyện (qua Phòng Nội vụ) quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng, tổ chức thực hiện quy trình xét thăng hạng, thông báo kết quả xét thăng hạng và quyết định thăng hạng đúng quy định.

b) Tổ chức tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xét thăng hạng của giáo viên theo quy định hiện hành.

c) Báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Huyện kết quả xét thăng hạng (qua Phòng Nội vụ).

2. Phòng Nội vụ

a) Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo theo dõi, kiểm tra thực hiện kế hoạch; giúp Ủy ban nhân dân Huyện thẩm định các nội dung do Phòng Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân Huyện.

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Huyện.

Thời gian hoàn thành việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non, phổ thông năm 2020 trước ngày 31/12/2020.

Trên đây là Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non, phổ thông năm 2020./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- TT/HU, TT/HĐND Huyện;
- CT, các PCT.UBND Huyện;
- Các phòng, ban, ngành Huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Các cơ sở GD-ĐT công lập thuộc Huyện;
- LĐVP, NC (Mỹ);
- Lưu: VT/UB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mai Văn Siêng